

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
NHIỆM KỲ IV (2021-2026)
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI
(Thời gian: buổi sáng ngày 20 tháng 4 năm 2021)

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
<u>Nghi lễ:</u>		
8 ^h 0 – 8 ^h 30	Đón tiếp Đại biểu, cổ đông. kiểm tra thủ tục, phát tài liệu	Ban tổ chức
8 ^h 30– 8 ^h 40	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự	Ban tổ chức
8 ^h 40– 8 ^h 45	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội	Ban kiểm tra
8 ^h 45 – 8 ^h 50	Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Bầu cử và Kiểm phiếu	Ban tổ chức
<u>Nội dung:</u>		
8 ^h 50 – 9 ^h 00	- Phát biểu khai mạc - Thông qua chương trình làm việc của Đại hội	Đoàn Chủ tịch
9 ^h 00 – 9 ^h 30	- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội - Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ III (2016-2021) Phương hướng nhiệm kỳ IV (2021-2026).	Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch
9 ^h 30– 9 ^h 40	Báo cáo tài chính – DT - LN, chia cổ tức năm 2020.	HĐQT
1 9 ^h 40 – 9h 50	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.	Ban kiểm soát
9h 50– 9 ^h 55	Thông qua tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	Đoàn Chủ tịch
9h 55– 10 ^h 30	Bầu HĐQT, BKS: - Thông qua tờ trình số lượng thành viên HĐQT, BKS - Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu HĐQT, BKS - Công bố quyết định của Công ty CP Donafoods về cử người đại diện 51% vốn tại Công ty CP Dược Đồng Nai - Công bố quyết định của Công ty CP KCN Tín Nghĩa Phương Đông về cử người đại diện 13,5% vốn tại Công ty CP Dược Đồng Nai - Thông qua đơn đề cử người đại diện cổ đông, nhóm cổ đông tham gia HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2021-2026) Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - Trình Đại hội thông qua danh sách các ứng viên bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV(2021-2026) - Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử - Đại hội tiến hành bầu cử HĐQT, BKS. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu.	Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ban Bầu cử
10 ^h 30 – 10 ^h 50	Thông qua các tờ trình, Đại hội thảo luận và biểu quyết 1- Kết quả SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020 2- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 3- Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS 4- kế hoạch SXKD năm 2021 5- Quy chế quản trị Công ty 6- Quy chế hoạt động của HĐQT 7- Quy chế hoạt động của BKS 8- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 9- Thủ lao HĐQT, BKS và phụ trách quản trị công ty năm 2020, kế hoạch năm 2021, trích thưởng HĐQT, BKH	Đoàn Chủ tịch

10- Về việc ủy quyền cho HĐQT ký kết các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

10 ^h 50 – 11 ^h 00	Công bố kết quả bầu cử HĐQT, BKS	Ban Bầu cử
11 ^h 00 – 11 ^h 10	Bầu chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS - HĐQT họp phiên thứ nhất nhiệm kỳ IV (2021-2026) để bầu Chủ tịch HĐQT - BKS họp phiên thứ nhất nhiệm kỳ IV(2021-2026) để bầu Trưởng BKS	Các thành viên HĐQT, BKS
11 ^h 10 – 11 ^h 20	Nghỉ giải lao	
11 ^h 20 – 11 ^h 30	Công bố kết quả bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS Ra mắt các thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV	HĐQT
11 ^h 30 – 11 ^h 40	Chủ tịch HĐQT phát biểu trước Đại hội	
11 ^h 40 – 11 ^h 50	Thông qua Nghị quyết Đại hội	Đoàn Thư ký
11 ^h 50 – 12 ^h 00	Bế mạc Đại hội	

BAN TỔ CHỨC

Biên Hòa, ngày 20 tháng 04 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021,
NHIỆM KỲ IV (2021-2026)
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy chế làm việc này áp dụng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, nhiệm kỳ IV (2021-2026) của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai (gọi tắt là Đại hội).

Điều 2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông tham gia Đại hội và các bộ phận điều hành giúp việc trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 3. Cổ đông có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BỘ PHẬN
ĐIỀU HÀNH ĐẠI HỘI**

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

- Đoàn Chủ tịch do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu, được Đại hội thông qua gồm 03 người.

- Quyền và nghĩa vụ:

+ Chủ trì Đại hội, điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được đa số cổ đông tham dự.

+ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết

+ Hướng dẫn cổ đông thảo luận tại Đại hội

+ Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời

+ Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ.

Điều 5. Ban Thư ký Đại hội

Ban thư ký Đại hội gồm 02 người do Ban tổ chức giới thiệu, được Đại hội thông qua

- Nhiệm vụ của Thư ký:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội

+ Giúp Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo nghị quyết Đại hội, thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

Điều 6. Ban kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Ban kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội do Ban tổ chức Đại hội thành lập.

- Ban kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội có nhiệm vụ:

- + Nhận giấy tờ cổ đông đến tham dự kiểm tra tư cách của các cổ đông hoặc người ủy quyền đến dự Đại hội.
- + Phát các tài liệu, thẻ biểu quyết, phiếu bầu
- + Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu

- Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm 03 người do Ban tổ chức giới thiệu, Đại hội thông qua. Thành viên Ban Bầu cử và Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện cổ đông tham dự Đại hội
 - + Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký Đại hội
 - + Chuẩn bị thùng phiếu, hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu
 - + Hướng dẫn các cổ đông thực hiện bầu thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát theo quy định
 - + Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát trước Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông tham dự Đại hội

- Điều kiện tham dự: Cổ đông/đại diện cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông đều được quyền tham dự Đại hội.
- Quyền và nghĩa vụ của cổ đông tham dự Đại hội
 - + Cổ đông/ đại diện cổ đông khi tới dự Đại hội phải mang theo bản chính thông báo mời họp, giấy tờ tùy thân (CMND, hộ chiếu...), Giấy ủy quyền họp lệ (nếu có) và xuất trình cho Ban kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội
 - + Cổ đông/ đại diện cổ đông được nhận tài liệu họp, 01 thẻ biểu quyết và 02 phiếu bầu cử. Khi nhận thẻ biểu quyết phải đối chiếu kiểm tra chính xác số cổ phần của mình (kể cả số cổ phần được ủy quyền) và ký sổ đăng ký cổ đông
 - Thẻ biểu quyết ghi mã số biểu quyết, số cổ phần được quyền biểu quyết
 - Phiếu bầu cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị
 - Phiếu bầu cử để bầu thành viên Ban kiểm soát
 - + Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác
 - + Cổ đông/ đại diện cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý
 - + Cổ đông/ đại diện cổ đông muốn phát biểu ý kiến có thể đăng ký nội dung phát biểu thông qua Ban Thư ký Đại hội hoặc giơ tay
 - + Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Đoàn Chủ tịch, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội
 - + Cổ đông/đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội sau giờ khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai, Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 18 tháng 03 năm 2021.

Điều 10. Thẻ lệ biểu quyết, cách thức biểu quyết các vấn đề tại Đại hội

- Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình được thực hiện theo quyết định của Đoàn Chủ tịch.

- Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội có giá trị khi đạt tỷ lệ ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội (trừ trường hợp quy định tại khoản 2,3 Điều 21 Điều lệ Công ty).

- Cổ đông hoặc người đại diện cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ đếm số thẻ “Đồng ý”, sau đó đếm thẻ “không đồng ý” và cuối cùng đếm số thẻ “không có ý kiến” để tổng hợp kết quả biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết sẽ được lưu lại tại hồ sơ Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

Việc dùng thẻ biểu quyết nhằm mục đích tính kết quả bằng số cổ phần. Vì vậy, các cổ đông dự Đại hội phải nghiên cứu kỹ nội dung cần biểu quyết mà người chủ trì Đại hội công bố trước khi biểu quyết (giơ thẻ biểu quyết), chỉ khi nào người đếm thẻ yêu cầu thì mới bỏ thẻ xuống để tránh nhầm lẫn.

Điều 11. Biên bản và Nghị quyết Đại hội

- Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội tổng hợp, ghi vào Biên bản Đại hội.

- Biên bản Đại hội là căn cứ ban hành Nghị quyết của Đại hội. Nghị quyết Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội được Ban Thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

- Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, nhiệm kỳ IV (2021-2026) Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai do Ban tổ chức ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

- Với 4 chương và 12 điều, Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội biểu quyết thông qua (khi có ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng ý).

- Các cổ đông tham dự, thành viên Ban tổ chức và các bộ phận điều hành Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành.

BAN TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT
NHIỆM KỲ III (2016-2021)
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ IV(2021-2026)**

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần dược Đồng Nai, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ III (2016-2021) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2021-2026) như sau:

A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ III (2016-2021)

I/ Nhân sự Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Cao Nhơn: Chủ tịch HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ năm 2016-2021: Chủ tịch HĐQT

2. Bà Đỗ Thị Nga: Phó Chủ tịch HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ năm 2016-2021: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

3. Ông Hoàng văn Phục: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty TNHH TMDV Tín Đức tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ năm 2016- 9/03/2019: thành viên HĐQT

4. Ông Phạm Thứ Triệu: thành viên HĐQT, cổ đông sở hữu 13,5% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ năm 12/04/2019 - 5/1/2019: thành viên HĐQT

Miễn nhiệm ngày 5/11/2019, thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2020

5. Ông Quách Trọng Nguyên: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần KCN Tín Nghĩa Phương Đông tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ 18/5/2020 - 2021: Thành viên HĐQT

6. Ông Nguyễn Trọng Trí: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ 18/05/2016 -> 7/3/2017: thành viên HĐQT

Miễn nhiệm ngày 7/3/2017, thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2017

7. Bà Nguyễn Thị Thùy Vân: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ 20/04/2017 - 2021: thành viên HĐQT

8. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ 18/05/2016 -> 17/11/2017: thành viên HĐQT

Miễn nhiệm ngày 17/11/2017, thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2018

9. Ông Nguyễn Hiếu Lộc: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

Từ 30/03/2018 - 2021: thành viên HĐQT

Hiện nay HĐQT Công ty gồm 5 thành viên:

1. Ông Nguyễn Cao Nhơn: Chủ tịch HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;
2. Bà Đỗ Thị Nga: Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc công ty người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;
3. Bà Nguyễn Thị Thùy Vân: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;
4. Ông Nguyễn Hiếu Lộc: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Donafoods tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;
5. Ông Quách Trọng Nguyên: thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần KCN Tín Nghĩa Phương Đông tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai;

II/ Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2016-2021):

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 18 tháng 05 năm 2016, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong lãnh đạo, quản lý, điều hành theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động. HĐQT Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết quả lãnh đạo, chỉ đạo các mặt hoạt động của HĐQT Công ty trong nhiệm kỳ III (2016-2021) như sau:

1- Công tác tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện:

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, HĐQT đã tổ chức họp 34 cuộc họp theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, đã ban hành 34 nghị quyết phục vụ công tác quản trị của công ty. Đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực. Các cuộc họp HĐQT có mời thêm một số thành viên khác dự họp như Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng khi nội dung có vấn đề liên quan.

Các văn bản, nghị quyết của HĐQT được ban hành kịp thời và dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành về việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Do vậy các nội dung nghị quyết, văn bản của HĐQT đều được Ban điều hành nghiêm túc thực hiện, có hiệu quả.

Hoạt động giám sát của HĐQT còn được thông qua công tác kiểm soát, kiểm toán hàng năm.

HDQT Công ty đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- HDQT Công ty thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, từ đó có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

- Thực hiện việc rà soát bố trí cán bộ theo đúng quy hoạch cán bộ chủ chốt giai đoạn năm 2015- 2020 đã được cơ quan cấp trên chấp thuận.

- HDQT đã có kế hoạch chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, bổ nhiệm những cán bộ có năng lực phù hợp với công việc sản xuất, kinh doanh.

- Trong nhiệm kỳ đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng và giám sát việc bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Trảng Bom, Chi nhánh Long Thành, 01 Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển, 03 phó phòng (Tổ chức Hành chính, Kiểm tra Chất lượng, Đảm bảo Chất lượng)

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho sự phát triển của Công ty, là một trong những chính sách luôn được duy trì trong suốt cả nhiệm kỳ III và còn tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nhằm đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty.

2- Công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển Công ty

HDQT đã chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hàng tháng, quý, năm đều có xem xét, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, từ đó chủ động đưa ra những quyết định chỉ đạo điều hành cụ thể.

2.1 Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Chỉ đạo cho Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

- Bàn các định hướng lớn lâu dài của Công ty và đưa ra các biện pháp hàng năm như:

+ Đầu tư khai thác thị trường nhập khẩu trực tiếp nguyên liệu để sản xuất và kinh doanh.

+ Phát huy thế mạnh của doanh nghiệp về sản xuất, tập trung cả hai mảng sản xuất các mặt hàng tự doanh và sản xuất cất lô, xem xét lập phương án đầu tư thêm công nghệ và thiết bị mới nâng cao năng lực sản xuất và phát huy hết công suất máy hiện có.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và đổi mới chính sách ưu đãi cho cán bộ chủ chốt nhằm ổn định nguồn lao động hiện có và thu hút chất xám, chú ý công tác đào tạo tập trung và đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật.

- Từng bước nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp cho bộ máy điều hành, đầu tư các thiết bị hỗ trợ cho công tác quản lý.

- Xây dựng các chính sách bán hàng công ty sản xuất cho các đối tượng, không ngừng đổi mới và ngày càng chuyên nghiệp hóa công tác chăm sóc khách hàng

2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Vốn điều lệ	Triệu VNĐ	19.584	19.584	19.584	30.000	30.000
Doanh thu	Triệu VNĐ	146.034	161.946	253.240	279.311	328.775
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	4.439	6.271	5.427	5.795	8.035
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	3.516	4.282	5.044	5.794	6.378
Cổ tức	%	14	15	12	14	15
Thu nhập BQ NLD tăng	Triệu VNĐ	8,03	8,83	10,03	10,76	11,07

3- Quyết định phương án đầu tư, giải pháp thị trường

- Để đảm bảo vốn cho hoạt động XNK, đấu thầu thuốc HDQT ủy quyền cho người đại diện Pháp luật Công ty ký kết hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản, các hồ sơ vay vốn với Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai (Vietcombank Đồng Nai) với hạn mức tín dụng là 16 tỷ đồng.

- Quyết định tiếp tục thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai (Vietcombank Đồng Nai) để đảm bảo cho hạn mức tín dụng trên.

- Quyết định phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 10 tỷ đồng và phương án sử dụng vốn phát hành.

- Trong nhiệm kỳ Công ty đã đầu tư 9,213 tỷ đồng để đầu tư máy móc thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất từ nguồn vốn phát hành cổ phiếu mới: 4,765 tỷ đồng; Quỹ đầu tư phát triển: 1,290 tỷ đồng và vốn tự có là 3,157 tỷ đồng. HDQT đã:

+ Quyết định sửa và sơn mới toàn bộ kho hàng nhập khẩu, kho nguyên liệu sản xuất và kho thành phẩm, vùng phụ trợ GMP, lắp đặt phòng LAB Beta-Lactam cho kho GSP.

+ Quyết định mua mới 01 xe Fortuner Toyota phục vụ công tác.

+ Đầu tư mới 02 máy đập viên 29 và 35 chày, 01 máy trộn hành tinh công suất 400 kg; 01 máy bao phim công suất 150 kg; máy trộn hỗn dịch; 01 máy sắc ký lỏng cao áp; 01 máy quang phổ hồng ngoại; 01 máy quang phổ UV; máy đo độ hòa tan, độ tan rã và các thiết bị kiểm nghiệm khác phục vụ sản xuất và đáp ứng các điều kiện sản xuất kinh doanh.

- Tìm các giải pháp hỗ trợ Ban điều hành nhằm từng bước ổn định và phát triển thị trường trong Tỉnh một cách bền vững (bao gồm hệ thống bán lẻ, hệ điều trị và Y tế cơ quan), trên cơ sở đó phát triển thị trường ngoài tỉnh.

4- Các công tác khác:

Công tác tài chính:

- Chủ động nguồn vốn cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát nội bộ đối với các đơn vị trực thuộc.
- Định kỳ phân tích giá thành định mức tiêu hao nguyên vật liệu để quản lý chặt các khoản chi phí trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp sát thực tế.
- Quản lý chặt tài sản, nguồn vốn, sử dụng vốn hiệu quả và minh bạch.
- Chọn đơn vị kiểm toán hàng năm và công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông:
- Chuẩn bị cơ sở vật chất và các nội dung, tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên trên cơ sở đúng nguyên tắc, đảm bảo công khai minh bạch tạo điều kiện cho tất cả các cổ đông tham gia và phát huy tối đa quyền của mình tại Đại hội

5. Đánh giá chung

Nhiệm kỳ 2016 - 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao phó, với một số kết quả cụ thể như sau (Phụ lục I):

- Thực hiện kế hoạch SXKD: Doanh thu đạt tăng trưởng trung bình hàng năm trên 20% (nghị quyết đề ra 15%)
- Thực hiện kế hoạch lợi nhuận: đạt tăng trưởng trung bình hàng năm 29% (nghị quyết đề ra 15-20% với điều kiện vốn điều lệ lên mức 50 tỷ đồng)
- Chia cổ tức: đạt trung bình hàng năm 14% (nghị quyết đề ra 12-15%)
- Phát triển thị trường ngoài tỉnh: 10 đại lý (TPHCM: 03, Hà Nội: 02, các tỉnh khác 5), nghị quyết đề ra từ 3 đến 5 đại lý, chi nhánh
- Mở rộng sản xuất thuốc thông thường, giá rẻ:
 - + Hàng năm nghiên cứu và lập hồ sơ đăng ký mới: 3 - 5 sản phẩm
 - + Thường xuyên bảo trì bảo dưỡng các thiết bị hiện có sản xuất linh hoạt các lô mẻ nhỏ phục vụ kịp thời cho nhu cầu thị trường.
- Nhập khẩu nguyên liệu dược phẩm, thành phẩm và vật liệu và vật tư cho nha khoa: có nhiều khó khăn cộng thêm các yếu tố rủi ro về biến động tỷ giá, tín dụng thương mại. Mặt khác, các nhà sản xuất uy tín có thương hiệu thường lựa chọn các nhà phân phối chuyên nghiệp, quy mô khu vực, có khả năng tài chính và ràng buộc nhiều yêu cầu khắt khe về điều kiện kinh doanh.
- Xây dựng hệ thống khách hàng bán lẻ trong tỉnh và mở rộng các tỉnh lân cận: đây cũng là vấn đề quan trọng lâu dài của Công ty:
 - + Đầu tư nghiên cứu thị trường từng khu vực cụ thể
 - + Chuẩn bị danh mục hàng đủ về số lượng, phong phú về chủng loại
 - + Xây dựng hệ thống chính sách phù hợp, hấp dẫn cho từng khu vực cụ thể
 - + Chuẩn bị nguồn tài chính cần thiết
 - + Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ bán hàng và quản lý bán hàng
- Tích cực tham gia đấu thầu cung cấp dược phẩm tại các bệnh viện trong tỉnh, từng bước mở rộng ra các bệnh viện lớn của vùng và cả nước.
 - + Thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ nhân viên lập hồ sơ thầu theo hướng chuyên nghiệp

+ Chủ động tham gia đấu thầu một số mặt hàng có thể mạnh tại các Sở Y tế và các bệnh viện TW thông qua các đại lý ngoài Tỉnh.

- Dự kiến di dời nhà máy ra khỏi khu dân cư: Hiện nay Công ty không thuộc danh sách phải di dời của Tỉnh tuy nhiên, việc đầu tư mở rộng hoặc xây mới dây chuyền sản xuất thuốc là không khả thi do các báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án khó được chấp nhận, nội dung này đề nghị HĐQT các khóa tiếp theo nghiên cứu thêm.

- **Một số khó khăn tồn tại:**

- Ngoài những kết quả đã đạt được như trên, trong năm qua hoạt động của HĐQT còn một số tồn tại như sau:

- 1- HĐQT chưa thực hiện đạt 100% các chỉ tiêu trọng tâm theo nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III: tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng vào năm 2020 và tỷ lệ chia cổ tức bình quân 15%/năm

- 3- Chưa có dự án xây dựng nhà máy mới và phương án chuyển đổi công năng khu đất văn phòng hiện nay.

- 4- Việc tìm kiếm đối tác để liên doanh liên kết đầu tư cho sản xuất còn nhiều hạn chế.

- 5- Nguồn nhân lực tuy đã có nhiều tiến bộ trong việc nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác, nhưng hiện nay vẫn còn thiếu, tầm nhìn chưa đáp ứng được yêu cầu so với quy mô và sự phát triển của Công ty, cần chú trọng việc tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực kế thừa để có đủ lực lượng cán bộ lãnh đạo có phẩm chất đạo đức tốt, tuổi đời trẻ và có chuyên môn, nhiệt huyết đảm nhiệm các vị trí điều hành công ty sau này.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỶ IV (2021-2026)

1. Dự báo khái quát đặc điểm tình hình 5 năm tới:

Tình hình chung:

Dự báo giai đoạn 2021 - 2026 kinh tế thế giới tiếp tục tiếp tục khó khăn, suy thoái chậm hồi phục, kinh tế trong nước chưa ổn định và dù một số lĩnh vực có tăng trưởng cao hơn giai đoạn 2016 - 2021. Chỉ sau khi dịch bệnh được ngăn chặn cùng với việc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là hội nhập kinh tế; việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cùng với việc hình thành các tổ chức mậu dịch tự do mới sẽ mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho phát triển, nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước trong thời gian tới. Công ty đứng trước một số thuận lợi và thách thức sau:

Thuận lợi:

- Hiện nay Việt Nam trở thành thị trường được phẩm lớn thứ hai tại Đông Nam Á, là một trong 17 nước xếp vào nhóm có mức tăng trưởng ngành Dược cao nhất do cơ cấu dân số trẻ đang có tốc độ già hóa nhanh, thu nhập, tình trạng ô nhiễm môi trường và mức độ quan tâm của gần 100 triệu dân đến các vấn đề sức khỏe ngày càng cao, nhu cầu chăm sóc sức khỏe cũng tăng lên, tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế và tuổi thọ trung bình, do đó ngành Dược cũng có cơ hội phát triển

nhanh hơn sẽ là động lực cho sự tăng trưởng. Trong vòng 5 năm tiếp theo, ngành dược Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục nằm trong nhóm 20 quốc gia có mức tăng trưởng mạnh và ổn định nhất thế giới.

- Chi tiêu bình quân đầu người dành cho thuốc tại Việt Nam đã tăng và duy trì chi tiêu dành cho dược phẩm ở mức tăng ít nhất 14%/năm cho tới năm 2025.

Khó khăn:

- Việt Nam chưa phát triển cũng như áp dụng được công nghệ hóa dược hiện đại, cũng chưa thành lập các vùng chuyên sản xuất dược liệu đảm bảo tiêu chuẩn, chưa kể chi phí đầu tư công nghệ và nghiên cứu tốn kém. Chúng ta đang phải phụ thuộc quá nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất dược phẩm, có tới 90% nguyên liệu phải nhập khẩu. Với tiềm lực về khoa học - kỹ thuật và trình độ phát triển hiện tại của các ngành công nghiệp hỗ trợ hiện tại trong thập kỷ 2021 - 2030 Việt Nam chưa thể trở thành một nước có thể tự túc sản xuất các nguyên liệu hóa dược.

- Phần lớn doanh nghiệp tập trung sản xuất những loại thuốc thông thường, chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư sản xuất các loại thuốc có dạng bào chế đặc biệt và thuốc chuyên khoa đặc trị.

- Nhiều Doanh nghiệp sản xuất dược lớn đã trở thành doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chi phối như Dược Hậu Giang, Bidiphar, Imexpharm, Pymepharco, Mekophar,... tiến hành đầu tư nâng cấp nhà máy EU-GMP với quy mô lớn và tiêu chuẩn hiện đại sẽ là thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp đi sau về khả năng cạnh tranh và tính định hướng dòng sản phẩm.

- Cạnh tranh gay gắt, nhưng xét về mặt lâu dài, nếu muốn tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp không chỉ tập trung vào việc chạy đua tăng độ phủ, mà còn phải liên tục nâng cao chất lượng, tuân thủ các quy định của pháp luật và bảo vệ sức khỏe của khách hàng dẫn đến chi phí cập nhật và duy trì là rất tốn kém.

- Nhìn chung, ngành dược Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng phát triển, tuy nhiên hiện nay việc đầu tư mở rộng, tăng công suất, hoạt động nghiên cứu và phát triển, các chiến lược marketing còn hạn chế. Ngoài ra, tình trạng cạnh tranh gay gắt với thuốc nhập khẩu, nguồn nguyên liệu bị phụ thuộc, chính sách còn nhiều bất cập là thách thức đối với các doanh nghiệp.

Tình hình Công ty:

- Việc thay đổi chủ sở hữu mới của Công ty với nhiều quan tâm, hỗ trợ đang tạo thuận lợi hơn trong việc tìm kiếm đối tác liên kết, liên doanh và linh hoạt hơn trong lãnh đạo điều hành.

- Nguồn nhân lực đang thiếu nhiều vị trí quan trọng nhất là các cán bộ chuyên môn và quản lý.

- Những trở ngại từ cơ quan quản lý trong việc cấp phép số đăng ký, các quy định về chất lượng cả nguồn nguyên liệu và sản phẩm đầu ra khi lưu hành ngày càng chặt chẽ làm tăng chi phí và nhiều rủi ro khi mà công nghệ sản xuất còn hạn chế.

- Máy móc sản xuất, thiết bị hỗ trợ cũ, lạc hậu phần lớn chưa được thay thế làm giảm năng suất lao động, khó khăn trong kiểm soát chất lượng thuốc và tăng giá thành sản phẩm.

- Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-WHO đã lạc hậu dẫn đến tiêu chuẩn sản xuất lạc hậu, không có khả năng cạnh tranh trong đấu thầu (trong khi các công ty đã và đang chuyển sang GMP theo tiêu chuẩn EU. Pic/s), nhà máy chỉ có 01 dây chuyền sản xuất thuốc Non - Beta Lactam với lô mẻ vừa và nhỏ nên không có nhiều cơ hội hợp tác phát triển với các đối tác tìm kiếm công nghệ cao.

2. Phương hướng chung

Phương hướng chung: “Đến năm 2025 nằm trong Top 3 các công ty sản xuất và cung cấp các mặt hàng dược phẩm chiếm thị phần lớn tại tỉnh Đồng Nai. Tăng trưởng trung bình hàng năm đạt trên 14%, đảm bảo an toàn vốn và chi trả cổ tức bình quân hàng năm 15%. Đầu tư và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP”.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Vốn điều lệ	Triệu VNĐ	30.000	30.000	30.010	100.000	100.000
Doanh thu	Triệu VNĐ	320.000	350.000	370.000	400.000	425.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	8.500	9.000	10.000	14.000	16.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	6.800	7.200	8.000	9.600	11.200
Cổ tức	%	15	15	15	10	12

3. Giải pháp thực hiện:

1. Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị sản xuất và kiểm nghiệm từ nguồn vốn Quỹ Đầu tư phát triển (theo Báo cáo khắc phục của đợt tái xét GMP 2020) cho dây chuyền hiện hữu nhằm duy trì sản xuất. Dự kiến giai đoạn từ 2021-2023 khoảng 10-12 tỷ đồng. Song song đó xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp trong ngắn hạn, tăng cường công tác quản trị rủi ro đặc biệt là công tác dự trữ nguyên liệu, sử dụng các công cụ tín dụng và thanh toán quốc tế đảm bảo nguồn vốn lưu động trong SXKD, giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá, ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và kinh doanh.
2. Lập phương án và đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP với 3 dây chuyền chính Non - Beta Lactam; Beta - Lactam và Cephalosporin. Dự kiến nhận tư vấn từ năm 2021, triển khai từng giai đoạn tùy thuộc vào quy mô đầu tư, tổng vốn đầu tư 500 tỷ đồng với 3 dây chuyền theo các giai đoạn.
3. Đào tạo, tuyển dụng nhân sự đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới.
4. Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho đầu tư xây dựng nhà máy và vay vốn đối ứng hoặc liên kết đầu tư để tài trợ cho dự án.
5. Tăng cường công tác phát triển thị trường, phát triển hệ thống phân phối trong

và ngoài tỉnh, Đẩy mạnh công tác đầu thầu thuốc, tăng tỷ trọng hàng tự kinh doanh, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, cải tiến nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống,

6. Tái cấu trúc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp theo hướng tăng năng suất lao động, giảm chi phí, nâng cao giá trị của sản phẩm, tăng lợi nhuận và cải thiện thu nhập cho người lao động.
7. Xây dựng đội ngũ Dược sỹ, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty.
8. Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình sản xuất, quản trị nội bộ Công ty theo hướng chuyên nghiệp.
9. Tăng cường công tác giám sát, giám sát theo từng chuyên đề, từng dự án cụ thể. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Phối hợp với tổ chức Đảng, các đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động thực hiện tốt hơn nữa công tác thi đua khen thưởng và xã hội từ thiện.

Tóm lại trong nhiệm kỳ qua, HĐQT Công ty đã bám sát vào nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để triển khai thực hiện một số chỉ tiêu chính về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập người lao động và đã hoàn thành cơ bản kế hoạch đề ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn và dịch bệnh kéo dài. Công tác giám sát ban điều hành được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Các thành viên trong HĐQT đều phát huy được tính chủ động, tích cực trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, tuy nhiên do điều kiện khách quan nên chưa thực hiện được 100% công việc theo như nội dung nghị quyết Đại hội, kính mong quý vị cổ đông tham dự Đại hội có những ý kiến đóng góp vào báo cáo hoạt động năm 2021, báo cáo hoạt động nhiệm kỳ III và phương hướng hoạt động của HĐQT trong các năm 2021 - 2026.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 22 tháng 3 năm 2021

DỰ THẢO BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

Kính gửi: Các Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai đã họp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và dự kiến chi trả cổ tức năm 2020 bao gồm các nội dung sau

I/ Doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận	ĐV tính: Đồng
1. Tổng doanh thu	328.775.094.890
2. Tổng chi phí	320.740.040.841
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	8.035.054.049
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	6.378.983.991
II/ Phân phối lợi nhuận	
1. Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước chuyển sang	921.758.547
2. Lợi nhuận sau thuế năm 2020	6.378.983.991
3. Trích lập các quỹ 25%	1.594.745.998
Trong đó: - Quỹ đầu tư phát triển: 10%	637.898.399
- Quỹ khen thưởng: 5%	318.949.200
- Quỹ phúc lợi: 10%	637.898.399
4. Lợi nhuận còn lại sau khi trích 3 quỹ (4 = 2 - 3)	4.784.237.993
5. Tổng số lợi nhuận để chia cổ tức (5 = 4 + 1)	5.705.996.540
Dự kiến chi cổ tức 2020 (1.500 đ/1 cổ phần = 15%)	4.500.015.000
6. Lợi nhuận vượt kế hoạch	35.054.049
Lợi nhuận vượt kế hoạch 20% năm 2020	7.010.810
7. Trích thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành nhiệm kỳ III: 1% tổng lợi nhuận nhiệm kỳ (lấy từ lợi nhuận chưa phân phối)	250.000.000
8. Lợi nhuận còn lại	948.970.730
III/ Giá trị vốn cổ phần có đến cuối kỳ	
1. Tổng giá trị vốn cổ phần có đến cuối kỳ (31/12/2020)	45.176.397.609
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.100.000
- Thặng dư vốn cổ phần	
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.290.550.000
- Cổ phiếu ngân quỹ	
- Quỹ đầu tư phát triển	6.505.695.934
2. Giá trị kế toán một cổ phần	15.059
3. Giá trị tăng thêm so với mệnh giá một cổ phần	5.059

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Nga

Biên Hoà, ngày 20 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát báo cáo thẩm định kết quả thực hiện năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban hành kế hoạch kiểm soát năm 2020, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ban kiểm soát.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và đưa ra các đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát và thẩm định các Báo cáo tài chính hàng 6 tháng và năm 2020.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH

1. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh :

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện/kế hoạch
Tổng doanh thu	đồng	300.000.000.000	328.775.094.890	279.311.043.669
Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.400.000.000	6.378.983.991	5.794.975.741
Cổ tức	%	12		

- Nhìn chung trong năm 2020 Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông quyết nghị. Đối với việc chia cổ tức năm 2020 sẽ được Đại hội quyết định tại tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020 (dự kiến là 15%).

- Tổng doanh thu tăng 9,59% so với kế hoạch, trong đó cơ cấu doanh thu hàng kinh doanh thương mại là 69,11% (tăng 26,52% so với cùng kỳ) và doanh thu hàng do Công ty sản xuất bằng 30,89% (tăng 2,41% so với cùng kỳ).

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 99,67% so với kế hoạch và bằng 110,08 so với cùng kỳ năm 2019.

2. Tình hình thực hiện chi phí:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Thực hiện 2020/2019
Doanh thu thuần	328.775.094.890	279.311.043.669	117,71%
Giá vốn hàng bán	307.641.333.142	258.426.318.849	119,04%
Chi phí tài chính	1.547.615.148	473.022.093	327,18%
Chi phí bán hàng	6.512.783.604	7.566.765.868	86,07%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.053.660.831	6.911.117.616	102,06%

Tốc độ tăng chi phí giá vốn hàng bán cao hơn so với tốc độ tăng doanh thu, nguyên nhân là do trong năm 2020 tỷ trọng doanh thu hàng kinh doanh thương mại trong tổng doanh thu tăng 4,68% so với năm 2019, trong khi biên lợi nhuận gộp hàng thương mại khá nhỏ so với hàng Công ty sản xuất. Chi tiết các số liệu như sau :

Doanh thu	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu hàng sản xuất	101.359.515.681	98.974.011.052
Doanh thu hàng kinh doanh thương mại	226.749.153.058	179.222.348.292
Cộng	328.108.668.739	278.196.359.344

Giá vốn	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn hàng sản xuất	85.540.300.374	82.473.319.711
Giá vốn hàng kinh doanh thương mại	222.088.290.309	175.932.271.651
Cộng	307.628.590.683	258.405.591.362

Lợi nhuận gộp	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận gộp hàng sản xuất	15.819.215.307	17.720.409.004
Lợi nhuận gộp hàng kinh doanh thương mại	4.660.862.749	2.070.358.978

	Năm 2020	Năm 2019
Tỷ lệ LN gộp/Doanh thu hàng SX	15,61%	17,90%
Tỷ lệ LN gộp/Doanh thu hàng TM	2,06%	1,16%

- Chi phí tài chính năm 2020 tăng so với năm 2019 chủ yếu là do biến động tỷ giá trong hoạt động kinh doanh hàng thương mại.

- Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện giảm so với năm 2019. Chi phí quản lý tăng so với năm 2019 chủ yếu là tăng chi phí trợ cấp nghỉ việc và chi phí lương tăng ca ngoài giờ phục vụ cho việc xét tái cấp GSP, GMP

3. Cơ cấu vốn góp cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2020 như sau :

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Công ty CP chế biến XNK Nông sản thực phẩm Đồng Nai	1.544.988	51,5%
2	Công ty cổ phần Khu công nghiệp Tín Nghĩa Phương Đông	404.091	13,47%
3	Cổ đông khác	1.050.931	35,03%
	Cộng	3.000.010	100%

4. Tình hình đăng ký thuốc, quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm :

- Về tình hình đăng ký thuốc:

+ Số đăng ký còn hiệu lực trong thời hạn 5 năm tính từ ngày cấp: 43

+ Số đăng ký còn hiệu lực nhưng chỉ được gia hạn 12 tháng: 73

+ Số đăng ký đang chờ gia hạn: 75

+ Số đăng ký mới đang thẩm định: 14 số

+ Số đăng ký hợp tác đăng ký: 6 số

- Nhìn chung toàn bộ quy trình sản xuất tuân theo đúng GMP, sản phẩm Công ty lưu hành trên thị trường trong năm 2019 đạt chất lượng 100%, không có mặt hàng nào bị thu hồi. Trong năm 2020 Công ty hoàn thành việc tái cấp các giấy chứng nhận về sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực dược đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, đặc biệt là được tái cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GMP)

5. Tình hình tăng/giảm tài sản, nguồn vốn và các chỉ số tài chính

5.1 Tình hình tăng/giảm tài sản, nguồn vốn

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty như sau

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	Biến động	
			Số tiền	%
TÀI SẢN	84.632.232.657	88.831.966.227	-4.199.733.570	-4,73%
Tài sản ngắn hạn	67.169.303.354	69.371.672.141	-2.202.368.787	-3,17%
Tài sản dài hạn	17.462.929.303	19.460.294.086	-1.997.364.783	-10,26%
NGUỒN VỐN	84.632.232.657	88.831.966.227	-4.199.733.570	-4,73%
Nợ phải trả	39.455.835.048	44.921.308.554	-5.465.473.506	-12,17%
Vốn chủ sở hữu	45.176.397.609	43.910.657.673	1.265.739.936	2,88%

Nhìn chung trong năm qua Công ty kinh doanh có hiệu quả và bảo toàn vốn, tổng tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020 giảm nhẹ so với thời điểm cuối năm 2019.

5.2 Các chỉ số tài chính

Các chỉ số tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 như sau :

	HỆ SỐ	NĂM 2020	NĂM 2019
A	Nhóm hệ số thanh toán		
	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1,71	1,55
	Hệ số thanh toán nhanh	0,61	0,46
	Hệ số thanh toán tức thời	0,03	0,02
B	Nhóm hệ số cơ cấu nguồn vốn		
	Hệ số nợ	0,47	0,51

	Hệ số vay nợ	0,06	0,09
	Hệ số Vốn chủ sở hữu	0,53	0,49
C	Hệ số phản ánh hiệu suất hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	6,69	5,21
	Vòng quay khoản phải thu khách hàng	19,36	16,96
	Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	18,59	21,22
D	Hệ số sinh lời		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn kinh doanh	0,26	0,24
	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	0,07	0,06
	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	0,14	0,13

Tình hình tài chính Công ty cơ bản giữ ổn định, các hệ số đều được cải thiện so với năm 2019.

6. Về việc thực hiện chế độ kế toán, Báo cáo tài chính

- Chứng từ, sổ sách và báo cáo kế toán được ghi chép đầy đủ, lưu trữ rõ ràng, đúng quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, đơn vị trong danh sách được quy Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, đủ điều kiện kiểm toán. Báo cáo tài chính năm 2020 phản ánh trung thực, hợp lý các thông tin và sự kiện trong năm 2020 và phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành

7. Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2020 là 103 người, giảm 04 người so với đầu năm. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng lao động như sau :

- + HĐLĐ không xác định thời hạn: 66 người, chiếm 64,08%
- + HĐLĐ từ đủ 12 tháng đến 36 tháng: 31 người, chiếm 30,10%
- + HĐLĐ dưới 12 tháng: 6 người, chiếm 5,82%

- Công ty thực hiện đầy đủ chính sách về lao động, tiền lương, phúc lợi theo quy định đối với người lao động, đến thời điểm hiện tại không có đơn thư khiếu nại hoặc tranh chấp giữa Công ty và người lao động. Thu nhập bình quân 11,072 triệu đồng/người/tháng.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đối với Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đạt kết quả tốt.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát huy tối đa các nguồn lực của Công ty.

Nhìn chung Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Hội

đồng quản trị đã bám sát các chỉ tiêu, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để triển khai, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Đối với Ban điều hành

- Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và các chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì lợi nhuận Công ty ổn định, đảm bảo trả cổ tức cho cổ đông.

- Thường xuyên đánh giá tình hình kinh doanh, diễn biến thị trường và kiểm soát chi phí, đồng thời thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng và quyền hạn với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của công ty và cổ đông; đã triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2020. Kết quả sản xuất kinh doanh hoàn thành mức kế hoạch được giao.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thường xuyên duy trì mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và lợi ích cổ đông.

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tham gia góp ý kiến trong công tác quản trị, điều hành của Công ty.

- Ban kiểm soát nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được thư yêu cầu hoặc ý kiến phản ánh đề nghị kiểm tra giám sát từ phía cổ đông của Công ty.

V. KIẾN NGHỊ

1. Công tác sản xuất kinh doanh

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hàng Công ty sản xuất.

- Công ty lưu ý tính toán biên lợi nhuận gộp hàng kinh doanh thương mại, đảm bảo loại trừ rủi ro do ảnh hưởng biến động tỷ giá.

- Tập trung đăng ký mới/gia hạn các số đăng ký thuốc có sản lượng và doanh số cao.

- Trong dài hạn, đề nghị Công ty có phương án đầu tư, kinh doanh mang tính đột phá nhằm tăng về quy mô lẫn hiệu quả hoạt động cho đơn vị.

2. Công tác quản trị, điều hành, khác

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát công nợ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro về công nợ.

- Đối với hàng tồn kho sản xuất, Công ty phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá cả về chất lượng và số lượng, tăng hệ số quay vòng hàng tồn kho đảm bảo hiệu quả và hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất.

- Đối với các khu đất chưa được gia hạn hợp đồng thuê đất, Công ty tiếp tục theo dõi, đôn đốc Sở Tài nguyên và Môi trường để được ký hợp đồng gia hạn thời gian thuê đất.

Ban kiểm soát xin trân trọng báo cáo.

**Thay mặt Ban Kiểm soát
Trưởng ban**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- Lưu.

Tăng Trần Tấn Khải

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

***Kính thưa:* ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số liệu tại báo cáo tài chính kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
V/v: Thông qua kết quả hoạt động SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông **Thông qua kết quả hoạt động SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020 cụ thể như sau,**

+ Tổng doanh thu:	328.775.094.890 đồng
+ Tổng lợi nhuận trước thuế:	8.035.054.049 đồng
+ Tổng lợi nhuận sau thuế:	6.378.983.991 đồng
+ Chia cổ tức 15%/VĐL:	4.500.015.000 đồng
+ Trích lập các quỹ 25%:	1.448.743.935 đồng
Trong đó:	
- Quỹ đầu tư phát triển 10%	637.898.399 đồng
- Quỹ khen thưởng 5%	318.949.200 đồng
- Quỹ phúc lợi 10%	637.898.399 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

**V/v: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2020
và phương hướng năm 2021 và nhiệm kỳ IV (2021-2026) của HĐQT**

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông **Thông qua báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng năm 2021 và nhiệm kỳ IV (2021-2026) của HĐQT**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
V/v: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020

Kính thưa: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông **Thông qua số liệu tại báo cáo của BKS năm 2020.**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
V/v: Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2021

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông **thông qua kế hoạch SXKD và chia cổ tức năm 2021 cụ thể như sau**

- + Tổng doanh thu: 320 tỷ đồng
- + Tổng lợi nhuận trước thuế: 8,5 tỷ đồng
- + Cổ tức $\geq 12\%/V\Delta L$

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.

Nhằm thực hiện các quy định, công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty kiểm toán
1	Công ty TNHH kiểm toán Price WaterhouseCoopers Việt Nam (PwC)
2	Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
3	Công ty TNHH KPMG (KPMG)
4	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
5	Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C

Các công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong 05 Công ty kiểm toán theo danh sách nêu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai.

Trong trường hợp không thỏa thuận được với 05 công ty kiểm toán nêu trên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một Công ty kiểm toán khác trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS, Phụ trách quản trị Công ty năm 2020 và dự kiến thù lao HĐQT, BKS, Phụ trách quản trị Công ty năm 2021

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua

1. Quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS, Phụ trách quản trị Công ty năm 2020

- + Thù lao Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/tháng
- + Thù lao cho các thành viên HĐQT: 3.000.000đ/tháng
- + Thù lao Trưởng Ban kiểm soát, Phụ trách quản trị Công ty: 2.000.000đ/tháng
- + Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000đ/tháng

2. Dự kiến mức thù lao HĐQT, BKS, Phụ trách quản trị Công ty năm 2021

- + Thù lao Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/tháng
- + Thù lao cho các thành viên HĐQT: 3.000.000đ/tháng
- + Thù lao Trưởng Ban kiểm soát, Phụ trách quản trị Công ty: 2.000.000đ/tháng
- + Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000đ/tháng

3. Mức chi thưởng cho HĐQT, BKS, Quản trị công ty và ban điều hành năm 2021

Mức chi thưởng không quá 20% của phần lợi nhuận vượt kế hoạch, cụ thể do HĐQT quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH
THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

***Kính thưa:* ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai trong thời gian qua, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát, xem xét điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Điều lệ Công ty được quy định chi tiết tại **dự thảo điều lệ đính kèm tờ trình này.**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế cho Điều lệ hiện tại. Đại hội giao cho HĐQT Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/6/2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
- Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT ký kết các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc trích thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành và một số cán bộ chủ chốt Công ty nhiệm kỳ III

***Kính thưa:* ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/6/2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
- Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành và một số cán bộ chủ chốt Công ty nhiệm kỳ III từ phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2020, cụ thể như sau:

Mức trích thưởng: 1% trên tổng lợi nhuận sau thuế của nhiệm kỳ III

Số tiền: 25.015.000.000 đồng x 1% = 250.150.000 đồng

Mức thưởng cụ thể từng thành viên giao cho Ban điều hành Công ty thực hiện theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH
THÔNG QUA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai trong thời gian qua, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát, xem xét điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được quy định chi tiết tại **dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm tờ trình này.**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện tại. HĐQT Công ty tổ chức hoàn thiện và ký quyết định ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ IV (2021-2026)

***Kính thưa:* ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai trong thời gian qua, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát, xem xét điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại **dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2021-2026) đính kèm tờ trình này.**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2021-2026) bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2021-2026) có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2016-2021). HĐQT Công ty tổ chức hoàn thiện, ký quyết định ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Nhơn

Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ IV (2021-2026)

Kính thưa: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.

Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai trong thời gian qua, Ban kiểm soát đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021-2026) được quy định chi tiết tại **dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát IV (2021- 2026) đính kèm tờ trình này.**

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021-2026). Quy chế có hiệu lực từ ngày thông qua và được HĐQT Công ty ký quyết định ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI** (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ **đồng ngày 20** tháng 4 năm 2021.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI**

Tên giao dịch: **DONG NAI PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **DONAIPHARM**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 221B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: (0251) 3822 691 – 3823 107 – 3822 218.

- Fax: (0251) 3821 608

- Email: donai_pharm@yahoo.com

- Website: Donaipharm.com.vn

4. Các chi nhánh:

- Chi nhánh Trảng Bom

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 5, Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3866 248

- Chi nhánh Long Thành

Địa chỉ: Tổ 17, khu Cầu Xéo, Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3844 167

5. Công ty có thể thành lập thêm các chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm, các sản phẩm mỹ phẩm, sinh phẩm y tế	4649 (Chính)
2	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, các sản phẩm mỹ phẩm, sinh phẩm y tế	4772
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị ngành y tế	4659
4	Bán buôn chuyên doanh chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn nguyên phụ liệu và bao bì phục vụ cho việc kinh doanh thuốc	4669
5	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
6	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất dược phẩm, thuốc thực phẩm, sinh phẩm y tế	2100
7	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất vật tư và thiết bị ngành y tế	3250
8	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thuốc thực phẩm	4632
9	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc thực phẩm	4722
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng	6810
11	Trồng cây gia vị, cây dược liệu Chi tiết: Đầu tư nuôi trồng các loại cây con làm thuốc	0128
12	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Chế biến các loại cây con làm thuốc	0163
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn các loại cây con làm thuốc	4620
14	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn nước uống đóng chai	4633
15	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai	1104

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.100.000 VNĐ (Ba mươi tỷ một trăm nghìn đồng VN) được chia thành 3.000.010 cổ phần. Với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn **hai tháng** (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại

phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

[Các quyền đối với các loại cổ phần khác]

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ Công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty Kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất [nếu Điều lệ Công ty không quy định khác]. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp [trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác]. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 khoản 2, và khoản 3 Điều này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ

chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.]

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ Công ty].

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Hàng tháng được hưởng một khoản thù lao do HĐQT đề xuất, Đại hội đồng cổ đông quyết định.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy Công ty

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và [Điều lệ Công ty].

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, [Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị].
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 65% đến dưới 90% được đề cử ba (03) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi và phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) [Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này].
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty];
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát

trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ Công ty].

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [20%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [20%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [20%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn thận và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn thận vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn thận vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng **Một** hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định Pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm

đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp **trong vòng 15 ngày** làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai nhất trí thông qua ngày **20 tháng 4** năm 2021 tại văn phòng Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai, số 221B đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó,
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỮ KÝ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT